TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 -12- 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Sỹ Thắng.

2. Bà Viên Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996

CCCD số: 038196003XXX.

Địa chỉ: Số nhà XXX, đường B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (*nay là Số nhà XXX, đường B, thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa*).

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1996

CCCD số: 038096009XXX.

Địa chỉ: Số nhà XXX, đường B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (*nay là Số nhà XXX, đường B, thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa*).

Tại phiên tòa có mặt chị Đỗ Thị H, anh Hoàng Văn M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2025, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn M tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện chung sống từ năm 2014 nhưng đến ngày 30/11/2016 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND

thị trấn N, huyện N (nay là xã N, tỉnh Thanh Hoá). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, bắt đầu từ khoảng đầu năm 2025 cho đến nay mặc dù vợ chồng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng nhau nhưng trên thực tế đã sống ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn M.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn M có 01 con chung tên cháu là Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 10/01/2015. Chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì nguyện vọng của cháu Hoàng Hải Đ cũng muốn được ở với mẹ. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh Hoàng Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 3.000.000đ một tháng, tuy nhiên do anh M chưa có công ăn việc làm ổn định nên đến ngày 13/11/2025 và tại phiên toà chị đã thay đổi nội dụng yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án cho ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 6 năm 2025, bị đơn là anh Hoàng Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N vào ngày 30/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau nhưng sau đó vợ chồng đã nói chuyện và tự hoà giải nên cuộc sống trở lại bình thường, đến nay chị Đỗ Thị H làm đơn xin ly hôn anh, nguyện vọng của anh là mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ do mâu thuẫn chưa trầm trọng và anh vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Trước thời điểm đăng ký kết hôn, anh và chị Đỗ Thị H có một con chung tên là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 10/01/2015. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng giao con cho chị H nuôi và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản và các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hoá phát biểu quan điểm*:

- Về tố tụng: Quá trình lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa

thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trước thời điểm đăng ký kết hôn, mặc dù chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M tự nguyện chung sống nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cho đến ngày 30/11/2016 anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 30/11/2026.

Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn anh Hoàng Văn M do xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định không còn tình cảm với anh M. Mặc dù bị đơn có nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng không có mặt để Toà án tiến hành hoà giải, không hợp tác để Toà án giải quyết vụ án do đó nguyện vọng của anh Minh không có căn cứ để xem xét, mặt khác chị H cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H.

+ Về con chung: Quá trình chung sống trước thời điểm đăng ký kết hôn, chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M đã có một con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 10/01/2015, đây là nội dung đã đươc cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận và việc đăng ký khai sinh cho cháu Hoàng Hải Đ cũng được thực hiện vào ngày 30/11/2016 do anh Hoàng Văn M thực hiện nên đủ cơ sở xác định cháu Hoàng Hải Đ là con chung của chị H và anh M. Chị H yêu cầu Toà án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều này cũng được bị đơn đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Hải Đ nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị H yêu cầu là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như mức thu nhập chung và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên đề nghị chấp nhận.

+ Về tài sản và các vấn đề khác: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H.

Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 10/01/2015 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 18/12/2025 cho đến khi cháu Hoàng Hải Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản và các vấn đề khác: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh Hoàng Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Đỗ Thị Hường là nguyên đơn và bị đơn là Hoàng Văn M có hộ khẩu thường trú tại Số nhà XXX, đường B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nay là Số nhà XXX, đường B, thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/NQ-UBNTQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn là anh Hoàng Văn M không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án nên Toà án không thực hiện được tống đạt văn bản tố tụng mà phải tiến hành niêm yết theo quy định. Sau khi có bản tự khai nộp cho Toà án, mặc dù Toà án đã nhiều lần thông báo, triệu tập để tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tổ chức hoà giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị không hoà giải nên đây là vụ án không hoà giải được quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do không thực hiện được việc tống đạt quyết định cho bị đơn nên Toà án đã thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định, tại phiên toà anh Hoàng Văn M vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà. Toà án đã ban hành quyết định hoãn phiên toà và thực hiện việc niêm yết theo quy định, tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn là anh Hoàng Văn Minh vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn Mchung sống từ năm 2014 là thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực thi hành nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định, cho đến ngày 30/11/2016 mới đăng ký kết hôn, đây là thời điểm Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã có hiệu lực thi hành. Do đó hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Hường và anh Hoàng Văn M được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 30/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo nguyên đơn và bị đơn trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên

đơn là chị Đỗ Thị H xác định không còn tình cảm với anh Hoàng Văn M, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa vì vậy yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn; bị đơn là anh Hoàng Văn M trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H, mâu thuẫn chưa thật sự trầm trọng và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục chung sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H đều xác định không còn tình cảm đối với anh M, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống vì mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, chị H cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn là anh Hoàng Văn M trình bày vẫn còn tình cảm với vợ chồng, mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng mặc Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để tống đạt văn bản tố tụng, tiến hành hoà giải nhưng anh M không có mặt, không hợp tác để Toà án làm việc. Ngày 24/9/2025, Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh M và chị H cư trú, kết quả xác định: Mặc dù vẫn có hộ khẩu thường trú cùng chị H tại thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa nhưng anh Hoàng Văn M không có việc làm ổn định, thường xuyên không có mặt ở nhà, quá trình chung sống tại địa phương xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vì vậy nội dung anh M trình bày là không có cơ sở, không phát sinh từ tình cảm thực tế mà là việc cố tình cản trở, trì hoãn thủ tục ly hôn do đó cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H, giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn M.

[**3**] Về con chung: Trước thời điểm đăng ký kết hôn là ngày 30/11/2016, Chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M đã có thời gian sống chung và có một con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 10/01/2025. Anh Hoàng Văn M và chị Đỗ Thị H đều thừa nhận cháu Hoàng Hải Đ là con chung của anh, chị được thể hiện tại Giấy khai sinh cháu Hoàng Hoàng Đ do anh Hoàng Văn M đăng ký khai sinh ngày 30/11/2016.

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị H yêu cầu Toà án giao cháu Hoàng Hải Đ cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bị đơn là anh Hoàng Văn M đồng ý với yêu cầu của chị Đỗ Thị H và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Hải Đ nên có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu nuôi con chung của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đến ngày 13/11/2025, trước thời điểm Toà án xét xử vụ án và tại phiên toà, chị Đỗ Thị H yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ một tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án quyết định cho ly hôn đến khi cháu Hải Đ đủ 18 tuổi.

Trong bản tự khai anh Hoàng Văn M đồng ý giao con chung cho chị Hường nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể, do đây là vụ án không hoà giải được nên Toà án không thể tiến hành

hoà giải để các bên thoả thuận về mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung mà cần căn cứ các quy định của pháp luật để xem xét, quyết định.

Trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 82 và các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 thì mức lương tối thiểu vùng nơi chị H và anh M chung sống là 3.860.000đ/tháng, do đó căn cứ vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ một tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án xét xử vụ án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi như yêu cầu của chị H là có cơ sở để chấp nhận.

[**4**] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp, anh Hoàng Văn M phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm n ghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn M.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M có một con chung tên là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 10/01/2015. Giao cháu Hoàng Hải Đ cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày 18/12/2025 cho đến khi cháu Hoàng Hải Đ đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H và anh Hoàng Văn M không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu ký hiệu số BLTU/24 số 0005515 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống. Chấp nhận chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn là anh Hoàng Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2- Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh